

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2, NĂM HỌC 2025 - 2026
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN -MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 10 - BỘ SÁCH KNTT

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ (%) điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			“Đúng - sai”			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	A. Địa lí dân cư	A.1. Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới. A.2. Phân bố dân cư và đô thị hóa trên thế giới.	4			3	1				1		1		7TN	1TN 1TL	1TN	45,0
2	B. Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế	B.1. Các nguồn lực phát triển kinh tế. B.2. Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia.	2			3		1		1					5TN	1TN	1TN	20,0
3	C. Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	C.1. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. C.2. Địa lí ngành nông nghiệp. C.3. Địa lí ngành lâm nghiệp và thủy sản. C.4. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.	4	1	1						2			1	4TN	1TN	3TN 1TL	35,0
Tổng số câu/lệnh hỏi			10	1	1	6	1	1		1	3		1	1	16TN	3TN 1TL	5TN 1TL	24TN 2TL
Tổng số điểm			2,5	0,25	0,25	1,5	0,25	0,25		0,5	1,5		2,0	1,0	4,0	3,0	3,0	10,0
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100

* Ghi chú: TN: Trắc nghiệm; TL: Tự luận

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2, NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 10 - BỘ SÁCH KNTT

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu/lệnh hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng - sai”			Trả lời ngắn					
				B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD
1	A. Địa lí dân cư	A.1. Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới. A.2. Phân bố dân cư và đô thị hóa trên thế giới.	* Biết: - Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới. - Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hoá). - Trình bày được khái niệm Đô thị hoá - Trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế.	4 (NL1)			3 (NL1)								
			* Hiểu: - Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư, nhập cư); - Phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số. - Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư. - Phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hoá và ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường. - So sánh được các loại tháp dân số tiêu biểu. - Vẽ được biểu đồ về dân số. - Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lí số liệu.				1 (NL1)					1 (NL2)			
			* Vận dụng: - Tính toán, nhận xét, giải thích được sự phân bố dân cư thông qua bản đồ, tài liệu, số liệu,... - Chọn được dạng biểu đồ thích hợp để thể hiện dân số.								1 (NL2)				

[illegible]

		C.2. Địa lí ngành nông nghiệp. C.3. Địa lí ngành lâm nghiệp và thủy sản. C.4. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.	- Trình bày được vai trò của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Trình bày được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới. - Giải thích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. - Trình bày được vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. - Phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. - Tính toán, xử lí số liệu.												
			* Vận dụng: - Trình bày được những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai. - Đọc được bản đồ; xử lí, phân tích được số liệu thống kê. - Chọn được dạng biểu đồ thích hợp để thể hiện chỉ số phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Nhận xét và giải thích được biểu đồ về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Liên hệ, giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương, đất nước.			1 (NL3)					2 (NL2)			1 (NL3)	
Tổng số câu/lệnh hỏi				10	1	1	6	1	1		1	3		1	1
Tổng số điểm				2,5	0,25	0,25	1,5	0,25	0,25		0,5	1,5		2,0	1,0
Tỉ lệ %				30			20			20			30		

*** Mức độ:**

- Nhận biết: 16 câu (lệnh hỏi) = 4,0 điểm;
- Thông hiểu: 03 câu (lệnh hỏi) TN + 01 câu TL = 3,0 điểm;
- Vận dụng: 05 câu (lệnh hỏi) TN + 01 câu TL = 3,0 điểm.

*** Năng lực:**

- NL1: Năng lực Nhận thức khoa học Địa lí;
- NL2: Năng lực Tìm hiểu Địa lí;
- NL3: Năng lực Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

